

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc: tranh chấp về Ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995.

ĐKKHKT: thôn TS, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: thôn PV, xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh Q, sinh năm 1994.

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: thôn TS, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị và anh Lê Thanh Q quen nhau qua mạng facebook, thời gian này anh Q đang đi xuất khẩu lao động ở

Đài Loan; anh, chị chủ yếu trao đổi với nhau qua mạng xã hội. Đầu năm 2019, anh Q về Việt Nam, vợ chồng gặp mặt nhau được 10 ngày thì gia đình hai bên nội ngoại tổ chức đám cưới cho anh chị. Ngày 17/4/2019 anh, chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau được một tháng thì anh Q lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Kể từ thời điểm hai vợ chồng sống xa nhau, bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn về bất đồng các mối quan hệ trong cuộc sống. Anh Q không quan tâm đến chị và con, không gọi điện thoại, không hỏi thăm, không gửi tiền cho chị nuôi con. Cuối năm 2019 anh Q về nước, vợ chồng chung sống với nhau được 20 ngày, trong thời gian đó vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nên chị đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở xã TM, huyện NC ở cho đến nay. Chị và anh Q chính thức sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Chị xác định vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thanh Q.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh Q có 01 con chung là Lê Thanh T1, sinh ngày 01/01/2020. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con hằng tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Lê Thanh Q: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc giao Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Anh Q đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng anh Q không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Lê Thanh Q tại thôn TS, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; ông Lê Thanh V (cha đẻ anh Q) cho biết: Con trai ông là Lê Thanh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn TS, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa và hiện tại đang có mặt tại nhà. Anh Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và về Việt Nam vào tháng 12 năm 2021, mới đi Hà Nội làm việc được mấy ngày. Về phía chị T, đưa con về ngoại ở xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ở từ đầu năm 2020 cho đến nay. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, anh Q không đến Tòa án làm việc, anh Q có trao đổi lại với gia đình ông là: anh Q không muốn ly hôn chị T, việc chị T làm đơn ly hôn thì việc của chị T anh không quan tâm, nếu chị T quay về chung sống đoàn tụ thì anh vẫn chấp nhận và tha thứ. Về con chung: Anh Q và chị T có 01 con chung là Lê Thanh T1, sinh ngày 01/01/2020 hiện nay cháu đang ở với chị T tại xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Quan điểm của gia đình ông V: Về mâu thuẫn xảy ra giữa anh Q và chị T như thế nào gia đình ông không biết, chỉ biết khi anh Q đi xuất khẩu lao động, chị T ở nhà đưa con xuống nhà cha mẹ đẻ ở. Gia đình ông đã nhiều lần xuống động viên chị T đưa con về nhưng chị T không về. Tháng 12/2021 anh

Q về nước, cả gia đình xuống động viên chị T, nhưng chị T không quay về. Mặc dù gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên nhưng anh, chị không quay về chung sống đoàn tụ. Nay chị T làm đơn ly hôn anh Q, gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là anh Q chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Q theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị T được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Anh Q và chị T có 01 con chung là Lê Thanh T1, sinh ngày 01/01/2020, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Thanh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thanh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn TS, xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thanh Q vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thanh Q thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/4/2022 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê Thanh Q, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vắng mặt anh Lê Thanh Q, tuy nhiên anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Q là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2019 tại UBND xã TK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị đã được gia đình động viên hòa giải nhưng vợ chồng tình cảm không thể hàn gắn được. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi và sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Anh Q biết Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nhưng anh không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Thông qua ý kiến của ông V (cha đẻ anh Q) thì anh Q không muốn ly hôn nhưng anh lại không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ, thể hiện anh không quan tâm, không tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị T xin ly hôn, về phía anh Q bỏ mặc không quan tâm. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh Q là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh Q có 01 con chung là Lê Thanh T1, sinh ngày 01/01/2020. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị T là chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Q cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Thanh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Anh Lê Thanh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006753 ngày 20/12/2021; chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Thanh Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh Q. Chị T có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TK, NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh